

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Định quản lý

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; thực hiện theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Văn bản số 7478/BTC-TCDN ngày 19/6/2020 về việc tổng hợp, báo cáo tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo các nội dung liên quan theo Đề cương yêu cầu, cụ thể như sau:

A. Số liệu tổng hợp báo cáo:

- Phụ lục 1: Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2019 của các DNNN thuộc UBND tỉnh Bình Định.

- Phụ lục 2: Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2019 của các Công ty cổ phần thuộc UBND tỉnh Bình Định.

B. Báo cáo đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2019:

I. Đối với hoạt động của DNNN:

1. Số lượng DNNN do UBND tỉnh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2019 là 05 doanh nghiệp – giữ nguyên so với số lượng tại thời điểm 31/12/2018, gồm: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

2. Các nội dung đánh giá:

a) Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2019, tổng doanh thu của các DNNN đạt 521.226 triệu đồng, tăng 22.685 triệu đồng so với năm 2018 tương ứng với tỷ lệ tăng là 4,55%; lợi nhuận trước thuế đạt 46.340 triệu đồng, giảm 515 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm so với năm 2018 là 1,1%. Trong đó, đáng chú ý là Công ty TNHH Lâm

ng nghiệp Sông Kôn có doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều giảm mạnh so với năm 2018. Cụ thể doanh thu giảm gần 21% từ 21,588 tỷ đồng xuống còn 17,158 tỷ đồng so với năm 2018. Đồng thời, lợi nhuận giảm 68,5% từ 5,092 tỷ đồng xuống còn 1,602 tỷ đồng so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do chênh lệch phần chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần chế biến tinh bột sản xuất khẩu Bình Định. Bên cạnh đó, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh có lợi nhuận trước thuế tăng 91,27% so với năm 2018 chủ yếu là do giá bán sản phẩm tăng đồng thời trong năm đã khai thác diện tích rừng gỗ lớn.

Số liệu tổng hợp cho thấy mặc dù tình hình hoạt động SXKD của các doanh nghiệp trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn, song nhờ tích cực phấn đấu và áp dụng có hiệu quả các giải pháp tiết giảm chi phí nên hiệu quả hoạt động được cải thiện hơn.

b) Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

Tình hình tài chính của các DNNN trên địa bàn tỉnh năm 2019 lành mạnh, hoạt động SXKD sinh lời, đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, cơ cấu tài sản, nguồn vốn của các doanh nghiệp phù hợp với quy mô và loại hình hoạt động của đơn vị.

c) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

Qua soát xét tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp cho thấy đơn vị tuân thủ quy định Nhà nước hiện hành: đầu tư tài sản đảm bảo các quy định và phù hợp với nhu cầu hoạt động; quản lý tốt tình hình công nợ, thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi và thường xuyên rà soát nợ phải trả không để phát sinh nợ quá hạn; tình hình huy động vốn và sử dụng vốn vay đảm bảo, đúng mục đích.

Về đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: năm 2019, phát sinh tại 03/05 doanh nghiệp. Tổng giá trị các khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2019 là 15.822,551 triệu đồng, tăng 3.918,784 triệu đồng so với năm 2018, vì:

(i) Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đầu tư vốn tại Công ty TNHH Sông Kôn tính tới 31/12/2019 là 6.227,551 triệu đồng, phát sinh tăng 868,784 triệu đồng so với năm 2018;

(ii) Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh đầu tư vốn tại CTCP Chế biến lâm sản Hà Thanh tính tới 31/12/2019 là 4.200 triệu đồng, tăng 1.400 triệu đồng so với năm 2018.

(iii) Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn đầu tư vốn tại Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn tính tới 31/12/2019 là 2.695 triệu đồng, tăng 1.650 triệu đồng so với năm 2018.

Thủ tục chuyển nhượng vốn và đầu tư bổ sung vốn vào các công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp đều được chủ sở hữu chấp thuận và tuân thủ các quy định Nhà nước hiện hành. Trong năm, tổng lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn và Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn là 1.198,4 triệu đồng, riêng

Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh không thu cổ tức. Các khoản đầu tư không được chia cổ tức là CTCP PISICO Hà Thanh thực hiện chia cổ tức năm 2019 trong năm 2020 và CTCP Chế biến lâm sản Hà Thanh đang trong thời kỳ đầu tư.

d) Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Theo Công văn số 687/CT-TTKT3 ngày 16/4/2020 của Cục Thuế tỉnh về việc báo cáo đánh giá tình hình chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuế năm 2019 của các doanh nghiệp thuộc đối tượng giám sát, Công văn số 813/CT-KK ngày 07/05/2020 của Cục Thuế tỉnh về việc xem xét việc nộp chậm hồ sơ khai thuế và các tài liệu do doanh nghiệp cung cấp, trong năm 2019 các doanh nghiệp đã tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật về thuế; thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động (chế độ tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, an toàn lao động...). Tổng số thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm 2019 của các doanh nghiệp là 136.903 triệu đồng – tăng hơn so với thực hiện năm 2018 là 5,3%.

e) Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Số lượng doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, không vì mục tiêu lợi nhuận là 01/05 doanh nghiệp (Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định). Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện cung cấp đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích là 61.107,13 ha, tăng 407,13 ha so với dự toán đặt hàng đã được UBND tỉnh phê duyệt (60.700 ha).

f) Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của Chủ sở hữu/Kiểm soát viên/Kiểm toán/Thanh tra/ cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp:

Trong năm, các doanh nghiệp đã nghiêm túc chấp hành các quyết định của chủ sở hữu, các kiến nghị của cơ quan thanh tra, thuế, tài chính.

II. Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước:

1. Số lượng doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý tính tới thời điểm 31/12/2019 là 05 doanh nghiệp: Trong đó: (i) doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là 03 doanh nghiệp, gồm: CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn, CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn, CTCP Cấp thoát nước Bình Định; (ii) doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ là 02 doanh nghiệp, gồm: CTCP Khoáng sản Bình Định và CTCP Dược - TTB y tế Bình Định.

Số lượng doanh nghiệp có vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 giảm so với số lượng doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2018 là 01 doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn thoái giá trị vốn nhà nước tương ứng với tỷ lệ 20,57% vốn điều lệ theo lộ trình thoái vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017. Giá trị phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp là 7.737 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

a) Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Tại thời điểm 31/12/2019, giá trị vốn góp nhà nước tại 03 CTCP do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là 88.510 triệu đồng, giảm 3.121 triệu đồng so với năm 2018; nguyên nhân là do thực hiện thoái vốn theo lộ trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017.

Trong năm 2019, hoạt động SXKD tại 03/03 doanh nghiệp đều có lãi, hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra và bảo toàn được giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

Qua đánh giá, tình hình tài chính tại các doanh nghiệp lành mạnh, công tác quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo theo quy định. Cuối niên độ tài chính đơn vị thực hiện kiểm kê, đối chiếu công nợ để làm cơ sở lập báo cáo tài chính theo quy định; xây dựng, ban hành quy chế quản lý công nợ nhằm kiểm soát tốt khả năng thanh toán nợ, giảm thiểu nguồn vốn bị chiếm dụng trong thanh toán. Trong năm 2019, các doanh nghiệp không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

c) Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

Trong năm 2019, tổng doanh thu của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đạt 425.388 triệu đồng, tăng 29.280 triệu đồng so với năm 2018; lợi nhuận trước thuế đạt 38.737 triệu đồng, tăng 10.541 triệu đồng so với năm 2018. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) năm 2019 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đều lớn hơn 0.

Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Các doanh nghiệp tuân thủ, chấp hành tốt nghĩa vụ thuế, các khoản phải nộp ngân sách và các quy định pháp luật hiện hành; chưa để xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu kiện của người lao động. Tổng số thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm 2019 là 60.713 triệu đồng.

d) Việc thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước, thu hồi vốn nhà nước, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp:

Theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017, năm 2018 CTCP Công viên cây xanh và Chiều sáng đô thị Quy Nhơn chưa hoàn thành công tác thoái vốn, sang năm 2019 đã hoàn thành thực hiện thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp: Theo báo cáo, trong năm 2019, tổng số cổ tức được chia từ các CTCP hiện do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là 3.857 triệu đồng, đảm bảo tỷ lệ cổ tức đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

3. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ

a) Việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Trong năm 2019, vốn nhà nước góp tại 02 CTCP do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ là 100.840 triệu đồng, không đổi so với năm 2018. Hoạt động SXKD tại CTCP Khoáng sản Bình Định có lãi, hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã đề ra và bảo toàn được giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Riêng CTCP Dược – TTB y tế có doanh thu và lợi nhuận giảm do một số nguyên nhân như: thực hiện lộ trình nới room, giảm doanh thu hàng mua ngoài, sản lượng tăng nhưng giá trị chỉ tăng nhẹ do giá bán của các sản phẩm tham gia thầu (đặc biệt là đấu thầu quốc gia) giảm xuống còn rất thấp,...

b) Việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp theo các nội dung sau:

Qua đánh giá, tình hình tài chính tại các doanh nghiệp lành mạnh, công tác quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo theo quy định. Cuối niên độ tài chính đơn vị thực hiện kiểm kê, đối chiếu công nợ để làm cơ sở lập báo cáo tài chính theo quy định; xây dựng, ban hành quy chế quản lý công nợ nhằm kiểm soát tốt khả năng thanh toán nợ, giảm thiểu nguồn vốn bị chiếm dụng trong thanh toán.

Việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp phát sinh tại 01/02 doanh nghiệp (CTCP Dược – TTB y tế Bình Định gọi tắt là Bidiphar). Tại thời điểm 31/12/2019 các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 249.182 triệu đồng, tăng 100.411 triệu đồng so với năm 2018 là do đầu tư vốn vào Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao (chiếm 98,52% tổng vốn đầu tư tăng thêm), ngoài ra còn đầu tư thêm vốn vào 02 đơn vị khác là Công ty TNHH Bidiphar Betalactam, Công ty TNHH MTV Bidiphar. Trong năm 2019, lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp là 8.161 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ 3,275% giá trị vốn đã đầu tư. Nguyên nhân lợi nhuận đạt thấp là do Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động.

c) Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp:

Trong năm 2019, tổng doanh thu của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ đạt 1.442.243 triệu đồng, giảm 115.995 triệu đồng so với năm 2018; lợi nhuận trước thuế đạt 183.664 triệu đồng, giảm 30.851 triệu đồng so với năm 2018.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) năm 2019 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ đều lớn hơn 0.

Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Các doanh nghiệp tuân thủ, chấp hành tốt nghĩa vụ thuế, các khoản phải nộp ngân sách và các quy định pháp luật hiện hành; chưa để xảy ra tình trạng khiếu nại, khiếu kiện của người lao động. Tổng số thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm 2019 là 109.989 triệu đồng.

d) Việc thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước, thu hồi vốn nhà nước, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp:

Tính đến 31/12/2019, số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ còn phải thực hiện thoái vốn là 02 doanh nghiệp, trong đó Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định là doanh nghiệp thuộc kế hoạch năm 2017 không hoàn thành trong năm 2018, tiếp tục chuyển sang năm 2019 và Công ty cổ phần Dược – TTB y tế Bình Định là doanh nghiệp nằm trong kế hoạch thoái vốn trong năm 2019.

Lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp: Trong năm 2019, tổng số cổ tức được chia từ các CTCP hiện do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ là 12.957 triệu đồng, đảm bảo tỷ lệ cổ tức mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

III. Đánh giá việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu trong năm 2019 đối với doanh nghiệp do mình đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Trong năm 2019, UBND tỉnh đã thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh quản lý đảm bảo theo quy định, cụ thể như sau:

- Ban hành các Quyết định: số 816/QĐ-UBND ngày 11/03/2015 về quy định về Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước của tỉnh; số 3872/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 về việc ban hành Quy chế Giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh quản lý; số 5017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên để làm cơ sở thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Thực hiện phê duyệt một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính hàng năm để làm căn cứ đánh giá và xếp loại của các Công ty TNHH một thành viên 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nhà nước.

- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước; quyết định quỹ tiền lương, thù lao hàng năm của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên.

- Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của 05 Công ty TNHH một thành viên 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nhà nước.

- Thực hiện giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

- Thực hiện đánh giá và ban hành quyết định công bố kết quả xếp loại hoạt động của doanh nghiệp; mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên.

- Cử người đại diện phần vốn nhà nước tại các CTCP có vốn nhà nước và có ý kiến đề người đại diện tham gia, biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ về các nội dung quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào SXKD tại doanh nghiệp.

IV. Nguyên nhân, tồn tại, hạn chế:

Công tác thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện đảm bảo theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 22/06/2015. Quá trình thực hiện được tổ chức đấu giá công khai, minh bạch theo cơ chế thị trường, tuân thủ các quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng thất thoát vốn tài sản nhà nước, giá khởi điểm chào bán phần vốn nhà nước được thực hiện thông qua tổ chức tư vấn có chức năng thẩm định giá, tuân thủ quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP và từ ngày 01/5/2018 thực hiện theo quy định tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, công tác thoái vốn tại 02 công ty cổ phần gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

- Về công tác thoái vốn tại Công ty cổ phần Dược – TTB y tế Bình Định (DBD): UBND tỉnh đã phê duyệt giá khởi điểm chào bán phần vốn nhà nước tại Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 và Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 để thực hiện chào bán cổ phần theo quy định. Trước thực tế khó khăn của thị trường trong đầu năm 2020 do ảnh hưởng từ dịch COVID-19, UBND tỉnh có chủ trương tạm dừng việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định để Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty có cơ sở thực hiện công bố thông tin tạm dừng thoái vốn trên thị trường chứng khoán theo quy định.

- Về công tác thoái vốn tại Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC): Năm 2018, nhận thấy không thể thực hiện được việc thoái vốn theo quy định, UBND tỉnh có Văn bản số 6051/UBND-TH ngày 04/10/2018 gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch thoái vốn nhà nước tại BMC đến năm 2020. Năm 2019, qua soát xét, việc chậm thoái vốn tại BMC là do yếu tố khách quan, điều kiện thị trường không thuận lợi và giá khởi điểm chào bán phần vốn nhà nước được phê duyệt luôn cao hơn giá giao dịch trên sàn nên ngày 29/5/2019, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2925/UBND-TH báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xin chủ trương xử lý vướng mắc trong thoái vốn nhà nước tại BMC, làm cơ sở sang năm 2020 triển khai thực hiện như kiến nghị của UBND tỉnh tại Văn bản số 6051/UBND-TH ngày 04/10/2018. Trước thực tế khó khăn do COVID-19 gây ra trong đầu năm 2020, UBND tỉnh nhận thấy việc thoái vốn nhà nước của DBD và BMC sẽ rất khó khăn và không có yếu tố thuận lợi nên đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho chủ trương cho phép đưa BMC ra khỏi danh mục thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 – 2020 theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 và tiếp tục thực hiện

phương án thoái vốn BMC bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2025 chờ thị trường chứng khoán phục hồi và thuận lợi hơn.

V. Kiến nghị, đề xuất giải pháp về hoạt động đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Xuất phát từ hạn chế trên, UBND tỉnh nhận thấy việc thoái vốn nhà nước của Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định trong thời gian tới sẽ rất khó khăn và không có yếu tố thuận lợi, hơn nữa đến nay các Bộ, ngành Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn việc thoái vốn trong trường hợp giá trị sổ sách cao hơn giá giao dịch được thị trường chấp nhận. Do vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ:

1. Cho phép đưa Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định (BMC) ra khỏi danh mục thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 – 2020 theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017.

2. Tiếp tục thực hiện phương án thoái vốn BMC bổ sung cho giai đoạn 2021 - 2025 chờ thị trường chứng khoán phục hồi và thuận lợi hơn.

Trên đây là tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý, kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục TCDN – BTC;
- PCTTT Phan Cao Thắng;
- Sở Tài chính, Sở KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC 1

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Mã ngành kinh doanh chính	Tổng tài sản (Mã số 270 - Bảng cân đối kế toán)		Tài sản ngắn hạn (Mã số 100 - Bảng cân đối kế toán)		Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110- Bảng cân đối kế toán)		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120- Bảng cân đối kế toán)		Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121- Bảng cân đối kế toán)		Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Mã số 122- Bảng cân đối kế toán)		Các khoản phải thu (Mã số 130+210)		Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130 - Bảng cân đối kế toán)	
			2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																	
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																	
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																	
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	27	3.476.863	3.680.765	20.965	19.616	1.228	9.248	4.000	0	0	0	0	0	15.013	9.626	15.013	9.626
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	28	149.513	155.063	144.738	150.945	104.703	72.748	21.000	55.057	21.000	55.057	0	0	14.708	19.904	14.666	19.864
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	1	55.845	66.145	44.147	53.668	4.658	10.027	3.900	600	0	0	0	0	11.526	9.151	11.526	9.151
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	1	71.732	79.159	65.302	71.688	279	93	0	0	0	0	0	0	562	285	562	285
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	1	58.656	60.156	49.140	50.146	240	754	0	0	0	0	0	0	4.948	4.369	4.948	4.369
	Tổng cộng (A+B+C)		3.812.609	4.041.288	324.292	346.063	111.108	92.870	28.900	55.657	21.000	55.057	0	0	46.757	43.335	46.715	43.295

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Các khoản phải thu dài hạn (Mã số 210 - Bảng cân đối kế toán)		Nợ phải thu khó đòi (Mã số 110 - Báo cáo ngoại bảng)		Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Mã số 131 + 219)		Hàng tồn kho (Mã số 141 - Bảng cân đối kế toán)		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149 - Bảng cân đối kế toán)		Tài sản dài hạn (Mã số 200 - Bảng cân đối kế toán)		Tài sản cố định (Mã số 220 - Bảng cân đối kế toán)		Các khoản ĐT tài chính dài hạn (Mã số 250 - Bảng cân đối kế toán)		ĐT vào công ty con (Mã số 251- Bảng cân đối kế toán)		ĐT vào công ty liên doanh, liên kết (Mã số 252- Bảng cân đối kế toán)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																				
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																				
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																				
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	2.625	3.472	-1.542	-1.782	688	715	0	0	3.455.898	3.661.149	3.453.354	3.657.778	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	42	40	0	0	0	0	4.369	3.276	0	0	4.775	4.118	4.377	3.901	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	35	35	-35	-35	23.927	33.867	0	0	11.698	12.477	9.753	8.839	1.945	3.595	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	64.223	70.325	0	0	6.430	7.471	1.634	1.321	4.600	6.000	0	0	2.800	4.200
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	50	50	-50	0	43.931	44.973	0	0	9.516	10.010	3.901	3.486	5.359	6.228	0	0	0	0
	Tổng cộng (A+B+C)	42	40	2.710	3.557	-1.627	-1.817	137.138	153.156	0	0	3.488.317	3.695.225	3.473.019	3.675.325	11.904	15.823	0	0	2.800	4.200

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	ĐT góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 253- Bảng cân đối kế toán)		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 254 - Bảng cân đối kế toán)		Tổng nguồn vốn (Mã số 440- Bảng cân đối kế toán)		Nợ phải trả (Mã số 300- Bảng cân đối kế toán)		Nợ ngắn hạn (Mã số 310- Bảng cân đối kế toán)		Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Mã số 311- Bảng cân đối kế toán)		Nợ dài hạn (Mã số 330 - Bảng cân đối kế toán)		Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Mã số 338 - Bảng cân đối kế toán)		Vốn chủ sở hữu (Mã số 410 - Bảng cân đối kế toán)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																		
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																		
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																		
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	3.476.863	3.680.765	15.464	14.297	15.464	14.297	7.322	5.605	0	0	0	0	3.461.138	3.666.203
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	149.513	155.063	75.013	80.563	75.013	80.563	0	0	0	0	0	0	74.500	74.500
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	1.945	3.595	0	0	55.845	66.145	18.194	25.798	18.194	25.798	3.753	5.268	0	0	0	0	35.806	38.273
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	1.800	1.800	0	0	71.732	79.159	30.475	36.812	17.563	20.719	0	0	12.912	16.093	4.990	8.976	41.656	42.960
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	5.359	6.227	0	0	58.656	60.156	10.925	12.706	4.058	4.726	83	214	6.867	7.980	6.867	7.980	47.123	46.864
	Tổng cộng (A+B+C)	9.104	11.622	0	0	3.812.609	4.041.288	150.071	170.176	130.292	146.103	11.158	11.087	19.779	24.073	11.857	16.956	3.660.223	3.868.800

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH (Mã số 411- Bảng cân đối kế toán)		Quỹ ĐT phát triển (Mã số 418- Bảng cân đối kế toán)		Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN (Mã số 419 - Bảng cân đối kế toán)		Tổng doanh thu (Mã số 10+21+31)		Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10- Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21- Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Thu nhập khác (Mã số 31- Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Tổng chi phí (Mã số 11+22+24+25+32)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	3.454.072	3.659.216	1.959	283	0	0	54.113	53.396	53.632	52.693	308	340	173	363	48.174	47.789
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	74.500	74.500	0	0	0	0	337.364	369.714	331.795	363.939	5.340	5.762	229	13	313.963	345.725
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	19.310	19.310	13.435	15.902	0	0	50.446	49.097	47.378	43.065	1.040	2.542	2.028	3.490	40.863	39.387
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	27.219	27.219	3.758	5.061	0	0	35.030	31.861	35.027	31.860	3	1	0	0	32.190	26.429
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	36.727	36.727	9.688	10.137	0	0	21.588	17.158	16.208	16.535	5.380	567	0	56	16.497	15.556
	Tổng cộng (A+B+C)	3.611.828	3.816.972	28.840	31.383	0	0	498.541	521.226	484.040	508.092	12.071	9.212	2.430	3.922	451.687	474.886

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Giá vốn hàng bán (Mã số 11 - Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Chi phí tài chính (Mã số 22 - Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Chi phí bán hàng (Mã số 24 - Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25 - Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Chi phí khác (Mã số 32- Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50 - Báo cáo kết quả hoạt động KD)		Lỗ phát sinh (Mã số 50 -Báo cáo kết quả hoạt động KD nếu bị âm)		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421 - Bảng cân đối kế toán)		Lỗ lũy kế	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																		
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																		
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																		
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	36.563	36.514	0	0	0	0	11.570	11.257	41	18	5.939	5.607	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	282.877	312.215	0	0	0	0	31.084	33.510	2	0	23.401	23.989	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	31.960	30.095	0	0	460	247	8.443	7.597	0	1.448	9.583	9.710	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	27.929	20.626	89	0	0	0	4.172	5.802	0	1	2.840	5.432	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	13.678	13.456	53	23	0	0	2.754	1.982	12	95	5.092	1.602	0	0	708	0	0	0
	Tổng cộng (A+B+C)	393.007	412.906	142	23	460	247	58.023	60.148	55	1.562	46.855	46.340	0	0	708	0	0	0

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang (V.7)		Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN (Mã số V.8=V.9 + V.10 + V.15)		Thu từ hoạt động kinh doanh nội địa (V.9)		Thu từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (V.10)		Lợi nhuận sau thuế phát sinh phải nộp NSNN theo quy định (V.15)		Thuế và các khoản đã nộp NSNN (Mã số V.11=V.12 V.16)		Thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm (V.12)		Lợi nhuận sau thuế đã nộp NSNN trong năm (V.16)		Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau (V.13=V.7+V.8-V.11)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																		
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																		
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																		
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	1.444	431	2.186	1.954	2.186	1.954	0	0	0	0	3.199	1.859	3.199	1.859	0	0	431	526
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	15.170	20.491	116.673	128.890	102.220	114.415	0	0	14.453	14.475	111.352	125.377	102.121	113.139	9.231	12.238	20.491	24.004
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	1.139	270	8.929	5.825	5.439	2.013	0	0	3.490	3.812	9.865	4.515	6.375	1.518	3.490	2.997	270	1.580
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	1.776	96	1.382	3.044	982	1.452	0	0	400	1.592	3.265	3.890	2.553	1.488	712	2.402	96	-750
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	410	879	2.799	350	941	252	0	0	1.858	98	2.330	1.262	770	454	1.560	808	879	-33
	Tổng cộng (A+B+C)	19.939	22.167	131.969	140.063	111.768	120.086	0	0	20.201	19.977	130.011	136.903	115.018	118.458	14.993	18.445	22.167	25.327

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Vay và nợ ngắn hạn trong nước (Mã số 120 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay ngắn hạn của các tổ chức tín dụng trong nước (Mã số 121 - Báo cáo ngoại bảng)		Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại trong nước (Mã số 122 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài (Mã số 130 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng nước ngoài (Mã số 131 - Báo cáo ngoại bảng)		Các khoản vay ngắn hạn nước ngoài khác (Mã số 132 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay và nợ dài hạn trong nước (Mã số 140 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay dài hạn của các NHTM và các tổ chức tín dụng trong nước (Mã số 141 - Báo cáo ngoại bảng)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125
I	KHỐI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	10.005	7.414	10.005	7.414	0	0	0	0	0	0	0	0	4.990	8.976	4.990	8.976
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	758	58	58	58	700	0	0	0	0	0	0	0	6.867	7.980	6.867	7.980
	Tổng cộng (A+B+C)	10.763	7.472	10.063	7.472	700	0	0	0	0	0	0	0	11.857	16.956	11.857	16.956

PHỤ LỤC 1

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Phát hành trái phiếu (Mã số 142 - Báo cáo ngoại bảng)		Các khoản vay dài hạn trong nước khác (Mã số 144- Báo cáo ngoại bảng)		Vay và nợ dài hạn nước ngoài (Mã số 150 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay lại vốn ODA của CP (Mã số 151 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay nước ngoài được CP bảo lãnh (Mã số 152 - Báo cáo ngoại bảng)		Vay nước ngoài theo hình thức tự vay tự trả nước ngoài (Mã số 153 - Báo cáo ngoại bảng)		Phát hành trái phiếu (Mã số 154 - Báo cáo ngoại bảng)		Các khoản vay nước ngoài còn lại (Mã số 155 - Báo cáo ngoại bảng)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	126	127	128	129	130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141
I	KHÔI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ- CÔNG TY CON																
II	DNNN ĐỘC LẬP THUỘC BỘ, UBND																
C	Ủy ban nhân dân tỉnh																
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng (A+B+C)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019
CỦA CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH 2TV TRỞ LÊN
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Mã ngành kinh doanh chính	Tổng tài sản (Mã số 270)		Tài sản ngắn hạn (Mã số 100)		Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)		ĐT tài chính ngắn hạn (Mã số 120)		Các khoản phải thu (Mã số 130+210)		Nợ phải thu khó đòi (V.1)		Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Mã số 139 + 219)	
			2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	Công ty độc lập cổ phần, Công ty TNHH 2 TV trở lên															
I	DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ		1.246.950	1.159.235	173.601	181.039	56.306	65.404	0	0	89.074	85.307	1.191	1.267	-1.191	-1.267
1	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	27	583.870	482.279	69.521	76.057	42.748	50.277	0	0	25.077	23.657	0	0	0	0
2	CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	28	275.102	282.482	57.185	59.331	1.999	4.050	0	0	46.868	42.608	1.032	1.032	-1.032	-1.032
3	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	27	387.978	394.474	46.895	45.651	11.559	11.077	0	0	17.129	19.042	159	235	-159	-235
II	DN do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ		1.647.335	1.708.896	1.169.399	1.083.343	145.606	97.069	222.701	143.601	426.297	428.004	12.170	26.489	-12.170	-26.489
1	CTCP Khoáng sản Bình Định	16	245.170	211.022	162.626	140.268	53.151	4.109	0	30.000	9.867	8.375	0	0	0	0
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	22	1.402.165	1.497.874	1.006.773	943.075	92.455	92.960	222.701	113.601	416.430	419.629	12.170	26.489	-12.170	-26.489
	Tổng cộng (I +II)		2.894.285	2.868.131	1.343.000	1.264.382	201.912	162.473	222.701	143.601	515.371	513.311	13.361	27.756	-13.361	-27.756

PHỤ LỤC 2
ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Hàng tồn kho (Mã số 141)		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)		Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150)		Tài sản cố định (Mã số 220)		ĐT tài chính dài hạn (Mã số 250)		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259)		ĐT vào công ty con (Mã số 251)		Tổng nguồn vốn (Mã số 440)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
B	Công ty độc lập cổ phần, Công ty TNHH 2 TV trở lên																
I	DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	26.439	29.446	0	0	1.931	1.100	974.186	899.314	0	0	0	0	0	0	1.246.950	1.159.235
1	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	1.606	1.983	0	0	93	210	507.753	400.754	0	0	0	0	0	0	583.870	482.279
2	CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	8.317	12.674	0	0	0	0	157.782	185.823	0	0	0	0	0	0	275.102	282.482
3	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	16.516	14.789	0	0	1.838	890	308.651	312.737	0	0	0	0	0	0	387.978	394.474
II	DN do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	370.045	405.096	0	0	10.278	15.645	274.783	284.417	148.771	249.182	0	0	39.394	139.806	1.647.335	1.718.896
1	CTCP Khoáng sản Bình Định	100.316	93.681	0	0	4.820	10.175	55.921	47.745	0	0	0	0	0	0	245.170	221.022
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	269.729	311.415	0	0	5.458	5.470	218.862	236.672	148.771	249.182	0	0	39.394	139.806	1.402.165	1.497.874
	Tổng cộng (I +II)	396.484	434.542	0	0	12.209	16.745	1.248.969	1.183.731	148.771	249.182	0	0	39.394	139.806	2.894.285	2.878.131

PHỤ LỤC 2
ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Tổng số nợ phải trả (Mã số 300)		Nợ ngắn hạn (Mã số 310)		Nợ dài hạn (Mã số 330)		Nợ nước ngoài (ngắn hạn + dài hạn)		Nợ vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		Vay lại vốn ODA của Chính phủ		Nợ quá hạn (V.2)		Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)		Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
B	Công ty độc lập cổ phần, Công ty TNHH 2 TV trở lên																		
I	DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	334.127	331.017	143.634	153.248	190.493	177.769	0	0	0	0	0	0	0	0	190.874	197.757	173.550	173.550
1	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	49.349	55.299	40.263	46.862	9.086	8.437	0	0	0	0	0	0	0	0	38.691	38.517	34.271	34.271
2	CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	49.068	39.680	48.921	39.533	147	147	0	0	0	0	0	0	0	0	20.502	21.391	15.171	15.171
3	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	235.710	236.038	54.450	66.853	181.260	169.185	0	0	0	0	0	0	0	0	131.681	137.849	124.108	124.108
II	DN do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	594.594	628.927	544.823	584.529	49.770	44.399	0	0	0	0	0	0	0	0	1.030.170	1.071.100	647.716	647.716
1	CTCP Khoáng sản Bình Định	48.983	20.152	45.579	18.033	3.403	2.119	0	0	0	0	0	0	0	0	196.187	200.870	123.926	123.926
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	545.611	608.775	499.244	566.496	46.367	42.280	0	0	0	0	0	0	0	0	833.983	870.230	523.790	523.790
	Tổng cộng (I +II)	928.721	959.944	688.457	737.777	240.263	222.168	0	0	0	0	0	0	0	0	1.221.044	1.268.857	821.266	821.266

PHỤ LỤC 2
ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Vốn điều lệ		Vốn nhà nước góp		Tổng doanh thu (Mã số 10+21+31)		Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		Thu nhập khác (Mã số 31)		Lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)		Lỗ phát sinh (nếu có)		Lỗ lũy kế	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69
B	Công ty độc lập cổ phần, Công ty TNHH 2 TV trở lên																		
I	DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	173.550	173.550	91.631	88.510	396.108	425.388	387.789	420.151	1.745	649	6.574	4.588	28.196	38.737	0	0	0	0
1	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	34.271	34.271	17.478	17.478	119.610	124.634	118.139	123.861	1.425	466	46	307	6.230	6.851	0	0	0	0
2	CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	15.171	15.171	10.858	7.737	98.036	89.582	94.177	88.709	2	3	3.857	870	4.982	6.065	0	0	0	0
3	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	124.108	124.108	63.295	63.295	178.462	211.172	175.473	207.581	318	180	2.671	3.411	16.984	25.821	0	0	0	0
II	DN do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	647.716	647.716	100.840	100.840	1.558.238	1.442.243	1.533.263	1.418.888	24.409	21.948	566	1.407	214.515	183.664	0	0	0	0
1	CTCP Khoáng sản Bình Định	123.926	123.926	30.982	30.982	133.771	193.873	132.239	191.005	1.189	1.804	343	1.064	16.873	20.965	0	0	0	0
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	523.790	523.790	69.858	69.858	1.424.467	1.248.370	1.401.024	1.227.883	23.220	20.144	223	343	197.642	162.699	0	0	0	0
	Tổng cộng (I +II)	821.266	821.266	192.471	189.350	1.954.346	1.867.631	1.921.052	1.839.039	26.154	22.597	7.140	5.995	242.711	222.401	0	0	0	0

PHỤ LỤC 2
ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của Nhà nước theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc HĐTV (bao gồm cổ tức, lợi nhuận được chia của các năm trước nhưng chia trong năm báo cáo)		Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang (V.7)		Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN (V.8=V.9+V.10)		Thu từ hoạt động kinh doanh nội địa (V.9)		Thu từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (V.10)		Thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm (V.11)		Cổ tức, lợi nhuận đã nộp NSNN trong năm		Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau (V.12=V.7+V.8-V.11)	
		2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
1	2	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	82	83
B	Công ty độc lập cổ phần, Công ty TNHH 2 TV trở lên																
I	DN do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	3.665	3.857	2.497	7.670	51.633	60.889	51.633	60.889	0	0	46.417	60.713	3.665	3.857	7.713	7.846
1	CTCP Môi trường đô thị Quy Nhơn	699	699	979	1.001	9.854	11.064	9.854	11.064	0	0	9.827	11.582	699	699	1.006	483
2	CTCP Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	434	310	397	2.382	3.362	3.885	3.362	3.885	0	0	1.376	3.519	434	310	2.383	2.748
3	CTCP Cấp thoát nước Bình Định	2.532	2.848	1.121	4.287	38.417	45.940	38.417	45.940	0	0	35.214	45.612	2.532	2.848	4.324	4.615
II	DN do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	12.648	12.957	34.665	20.533	123.964	114.170	104.099	94.896	19.865	19.274	138.096	109.989	12.648	12.957	20.533	24.714
1	CTCP Khoáng sản Bình Định	2.169	2.479	4.805	10.872	46.379	54.347	29.137	39.089	17.242	15.258	40.312	66.819	2.169	2.479	10.872	-1.600
2	CTCP Dược - TTB y tế Bình Định	10.479	10.479	29.860	9.661	77.585	59.823	74.962	55.807	2.623	4.016	97.784	43.170	10.479	10.479	9.661	26.314
	Tổng cộng (I +II)	16.313	16.815	37.162	28.203	175.597	175.059	155.732	155.785	19.865	19.274	184.513	170.702	16.313	16.815	28.246	32.560